

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**
Số: 60/2017/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 20 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
V/v bổ sung giá đất vào bảng giá đất định kỳ
05 năm (2015- 2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum bổ sung giá đất vào Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum, ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 537/TTr-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá đất vào Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015- 2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum, ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, tại các khu vực sau:

1. Giá đất ở đô thị tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, Phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum.

2. Giá đất ở nông thôn đoạn Quốc lộ 24 mới tại xã Đăk Blá, thành phố Kon Tum.

(chi tiết có phụ lục Bảng giá đất bổ sung kèm theo).

3. Điều chỉnh tên đoạn đường của Quốc lộ 24 cũ, đoạn qua xã Đăk Bla, thành phố Kon Tum tại mục III của Bảng giá đất ở tại nông thôn; giá đất thương mại dịch vụ và giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014

của UBND tỉnh Kon Tum như sau: “*từ cầu Đăk Kơ Wet-Hết thôn Kon Rơ Lang*” thành “*từ giáp Quốc lộ 24 mới - Hết thôn Kon Rơ Lang*”.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký
Nguyễn Văn Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC
BỔ SUNG GIÁ ĐẤT VÀO BẢNG GIÁ ĐẤT ĐỊNH KỲ
5 NĂM (2015-2019) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(kèm theo Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: 1.000 Đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính		Đơn giá
I	Đất ở đô thị		
	Giá đất khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum		
1	Khu tái định cư 1	Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (2-2)	3.066
		Mặt cắt (2-2) lô góc	3.066
2	Khu tái định cư 2	Mặt cắt (6-6)	2.539
3	Khu tái định cư 3	Mặt cắt (2-2)	3.066
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (2-2) lô góc	3.066
4	Khu tái định cư 4	Mặt cắt (2-2)	3.066
5	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 1)	Mặt cắt (7-7)	2.673
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
6	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 2)	Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (7-7)	2.673
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
7	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 3)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (7-7)	2.673
8	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 4)	Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
9	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 5)	Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (2-2)	3.915

10	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 6)	Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
11	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 7)	Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
12	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 8)	Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (10-10)	2.673
13	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 9)	Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
14	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 1)	Mặt cắt (B-B) lô góc	4.307
		Mặt cắt (B-B)	3.915
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.793
		Mặt cắt (6-6)	2.539
15	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 2)	Mặt cắt (B-B) lô góc	4.307
		Mặt cắt (B-B)	3.915
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (6-6)	2.412
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.793
16	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 3)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (6-6)	2.539
17	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 4)	Mặt cắt (2-2) lô góc	4.092
		Mặt cắt (2-2)	3.915
18	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 5)	Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (A-A) lô góc	2.793
19	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 6)	Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940

		Mặt cắt (A-A) lô góc	2.940
		Mặt cắt (A-A)	2.673
20	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 7)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
		Mặt cắt (A-A) lô góc	2.940
		Mặt cắt (A-A)	2.673
21	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 8)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
		Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
		Mặt cắt (5-5)	2.673
22	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 9)	Mặt cắt (B-B) lô góc	4.307
		Mặt cắt (B-B)	3.915
23	Khu nhà ở xã hội	Đất xã hội	1.500
24	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 1)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (3-3)	3.066
25	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 2)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (3-3)	3.066
26	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 3)	Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (7-7)	2.673
		Mặt cắt (4-4) lô góc	4.307
		Mặt cắt (5-5)	2.673
27	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 4)	Mặt cắt (11-11) lô góc	3.373
		Mặt cắt (9-9)	3.066
		Mặt cắt (5-5)	2.673
28	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 5)	Mặt cắt (9-9) lô góc	3.373
		Mặt cắt (7-7)	2.673
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (5-5)	2.673
29	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 6)	Mặt cắt (A -A)	2.673
		Mặt cắt (11-11) lô góc	3.373
		Mặt cắt (11-11)	3.066
II	Đất ở tại nông thôn		
	Quốc lộ 24 mới tại xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum		
	Xã Đăk Blà		
-	Từ cầu Đăk Kơ Wet - Hết thôn Kon Rơ Lang		380
-	Từ ranh giới thôn Kon Rơ Lang và thôn Kon Rẻ Plâng - Hết cầu đoi (cầu Đăk Rẻ)		230
-	Từ cầu đoi (cầu Đăk Rẻ) - Hết ranh giới xã Đăk Blà		130